



**TÀI LIỆU NGỮ PHÁP TIẾNG ANH ÔN THI VÀO LỚP 10 THPT**  
**CẤU TẠO TỪ (WORD FORMATION)**

**A. Cách thành lập DANH TỪ**

| Formation              | NOUNS                                                                                                |
|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Verb + er/or/ant       | Teacher, manager, driver, actor, director, attendant, assistant.....                                 |
| Verb + ion             | Action, invention, construction, direction, revolution, decision.....                                |
| Verb + ment/al         | Development, appointment, refusal, removal, approval.....                                            |
| Verb + ing             | Swimming, teaching, jogging, training, building.....                                                 |
| Adj + ness             | Kindness, goodness, happiness, sadness, darkness, illness, sickness.....                             |
| Adj + ty               | Safety, loyalty, variety, ability, honesty, cruelty,.....                                            |
| Adj + th               | Length, depth, width, truth, warmth, strength.....                                                   |
| Adj + dom              | Freedom, wisdom, boredom.....                                                                        |
| Noun + ist/ian         | Guitarist, novelist, violinist, musician, physician, historian.....                                  |
| Noun + ism             | Patriotism, capitalism, socialism, heroism.....                                                      |
| Noun + ship            | Friendship, leadership, scholarship, comradeship.....                                                |
| Noun + hood            | Childhood, brotherhood, neighbourhood, parenthood.....                                               |
| Super/over/sub/sur + N | <b>Super</b> market, <b>super</b> man <b>over</b> expenditure <b>sub</b> way <b>over</b> expenditure |

**Vị trí của DANH TỪ**

|                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Sau tính từ (adj + N)</b>                                                                                                                                                                                                            | They are interesting <u>books</u> .                                                              |
| <b>Sau- mạo từ: a /an / the</b><br>- từ chỉ định: <b>this, that, these, those, every, each, ...</b><br>- từ chỉ số lượng: <b>many, some, few, little, several...</b><br>- tính từ sở hữu: <b>my, his, her, your, our, their, its...</b> | He is a <u>student</u> .<br>These <u>flowers</u> are beautiful.<br>She needs some <u>water</u> . |
| <b>Sau ngoại động từ (V cần O)</b>                                                                                                                                                                                                      | She buys <u>books</u> .<br>She meets a lot of <u>people</u> .                                    |
| <b>Sau giới từ (prep. + N)</b>                                                                                                                                                                                                          | He talked about <u>the story</u> yesterday.<br>He is interested in <u>music</u> .                |
| <b>Trước V chia thì (N làm chủ từ)</b>                                                                                                                                                                                                  | <u>The main</u> has just arrived.                                                                |
| <b>Sau enough (enough + N)</b>                                                                                                                                                                                                          | I don't have enough <u>money</u> to buy that house.                                              |

## B. Cách thành lập TÍNH TỪ

| formular                        | Adjectives                                                            |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| - <i>ful</i>                    | Harmful, useful, successful, hopeful, helpful, peaceful, careful..... |
| - <i>less</i>                   | Childless, odourless, careless, hopeless, harmless, useless.....      |
| - <i>ly</i>                     | Manly, worldly, hourly, daily, weekly, monthly, yearly, friendly..... |
| - <i>like</i>                   | Childlike, godlike, lifelike, ladylike, manlike.....                  |
| - <i>ish</i>                    | Childish, boyish, girlish, selfish.....                               |
| - <i>y</i>                      | Hearthy, dirty, dusty, snowy, windy, rainy, cloudy, sunny, sandy..... |
| - <i>al</i>                     | Natural, national, industrial, agricultural, cultural, magical.....   |
| - <i>ous</i>                    | Dangerous, courageous, poisonous, mountainous.....                    |
| - <i>ic</i>                     | Artistic, electric, alcoholic, economic.....                          |
| - <i>able</i>                   | Enjoyable, reasonable, respectable.....                               |
| Un/im/il/ir/in/dis + <i>adj</i> | Unimportant, impossible, illegal, irregular, disable.....             |

## Vị trí của TÍNH TỪ

|                                                                                                                                                 |                                                                                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trước N (Adj + N)                                                                                                                               | This is an <u>interesting</u> books.                                                           |
| Sau TO BE                                                                                                                                       | I am <u>tired</u> .                                                                            |
| Sau: become, get, look, feel, taste, smell, seem ...                                                                                            | It becomes <u>hot</u> .<br>She feels <u>sad</u> .                                              |
| Sau trạng từ (adv + adj): <b>extremely</b> (cực kỳ), <b>completely</b> (hoàn toàn), <b>really</b> (thực sự), terribly, very, quite, rather, ... | It is extremely <u>cold</u> .<br>I'm terribly <u>sorry</u> .<br>She is very <u>beautiful</u> . |
| Sau keep / make)                                                                                                                                | The news made me <u>happy</u> .                                                                |
| Sau too (be + too + adj)                                                                                                                        | That house is too <u>small</u> .                                                               |
| Trước enough (be + adj + enough)                                                                                                                | The house isn't <u>large</u> enough.                                                           |
| Trong cấu trúc: be + so + adj + that                                                                                                            | She was so <u>angry</u> that she can't speak.                                                  |
| A, an, the, this, that, his, her, their, my, ... + (Adj) + Noun                                                                                 | My <u>new</u> car is blue.                                                                     |
| Trong câu cảm thán:<br>- How + adj + S + V<br>- What + (a / an) + adj + N                                                                       | How <u>beautiful</u> the girl is!<br>What an <u>interesting</u> film!                          |

Note: adj-ed                      adj-ing

**Hình thức hiện tại phân từ (-ING):** Diễn tả nhận thức của người nói về người/việc gì đó.

Ex: That film is **interesting**. (Bộ phim đó hay.) (Người xem nhận thấy bộ phim hay.)

**Hình thức quá khứ phân từ (-ED):** Diễn tả cảm giác của người nói do người/việc gì đó đem lại.

Ex: I am confused about the question. (Tôi bị bối rối về câu hỏi.) (Câu hỏi làm tôi bối rối.)

### C. Cách thành lập ĐỘNG TỪ

|                      |                                                               |
|----------------------|---------------------------------------------------------------|
| formular             | _ Verbs                                                       |
| Dis + verb           | Dislike, disagree, discharge, disappear, disappoint.....      |
| Mis + verb           | Mislead, misread, misunderstand,.....                         |
| Out + verb           | Outrun, outlive, outnumber,.....                              |
| Over + verb          | Overweigh, overpay, overturn, overheat, overcharge.....       |
| Re + verb            | Rewrite, reuse, recycle, return, retell, recall,.....         |
| Under + verb         | Underdevelop, underdo, underline, undercharge, undersign..... |
| En + adj             | Enable, enrich, enlarge, encourage, endanger.....             |
| ADJ/ noun + en       | Weaken, sharpen, tighten, loosen, shorten, soften             |
| Adj/ noun + ise/ ize | Socialize, memorize, industrialize, sympathise economise..... |

### C. Cách thành lập TRẠNG TỪ

Phần lớn: **Adj + -ly ---> Adv**

Ex: beautifully, carefully, suddenly, carelessly, recently...

**Lưu ý:** Một số trạng từ đặc biệt cần ghi nhớ:

- good (a)                      well (adv): giỏi, tốt
- late (a)                      late / lately (adv): trễ, chậm
- ill (a)                      ill (adv): xấu, tồi, kém
- fast (a)                      fast (adv): nhanh
- hard (a)                      hard (adv): tích cực, vất vả, chăm chỉ      **hardly (adv): hầu như không**

#### Vị trí của Trạng từ

1. Adv + adj

Ex: She is very beautiful.

The weather is extremely hot.

2. Adverbs are placed at the beginning of the sentence.



Ex: Unfortunately, he failed the exam.

3. Adverbs are placed after the verb modified.

Ex: He is running fast.

4. Adv + Pii

Ex: He is well educated.

The wedding day is carefully chosen by groom's parents.

www.hoc247.net



Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

## I. Luyện Thi Online

*Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%*

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

## II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

*Học Toán Online cùng Chuyên Gia*

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

## III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí  
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.